

Chơn Thành, ngày 17 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN  
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

**Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành**

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT**

1.1. Tên người sử dụng đất:

**Ông: Thái Văn Phương** Năm sinh: 1969 CCCD số: 070069000125

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**Bà: Nguyễn Thị Lắm** Năm sinh: 1973 CCCD số: 093173000247

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Phân chia QSĐĐ

1.5. Biên nhận số: **000.25.70.H10-240412-0124**

**II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 489 , Tờ bản đồ số: 24

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Theo bản đồ giá do BPĐĐ cung cấp

**\* Khu vực: 2(hai)**

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường

<sup>245</sup> + Đường nhựa, đường bê tông nông thôn. Toàn tuyến

+ Phạm vi: 1(một): 600m<sup>2</sup>;

**- Đất nông nghiệp:**

+ Trong phạm vi khu dân cư:

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 2(hai) 10231,8 m<sup>2</sup>

2.1.4 Diện tích thửa đất: 10831,8 m<sup>2</sup>

- Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 10831,8 m<sup>2</sup>,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m<sup>2</sup>

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m<sup>2</sup>

- Diện tích đất trong hạn mức: m<sup>2</sup>

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m<sup>2</sup>

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m<sup>2</sup>

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Phân chia QSĐĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 600m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm 10231,8m<sup>2</sup>,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 06/12/2050,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

#### 2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;  
 Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;  
 Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Giá đất cụ thể:
- Giá trung đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

#### 2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình: .....; cấp hạng nhà ở, công trình: .....
- 2.2.2. Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung: .....m<sup>2</sup>; Diện tích sở hữu riêng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.5. Kết cấu: .....; Số tầng nổi: .....; Số tầng hầm: .....
- 2.2.6. Nguồn gốc: .....
- 2.2.7. Năm hoàn công: .....năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến: .....năm

### III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

- 3.1.1. Loại biến động:
- 3.1.2. Loại tài sản biến động:
- 3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)
  - 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
  - 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:
- 3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính
  - 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
  - 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:
- 3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:
 

Tên của khoản được trừ:

### IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSĐĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;

(B)

#### PHÓ GIÁM ĐỐC

